TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31 – 5 - 2019
Về việc: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lựu.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Bình;

2. Ông Đặng Hoàng Mích

- *Thư ký phiên Tòa:* Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*

Bà Phạm Thị Cẩm Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2019/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Văn K,** sinh năm 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp L T, xã L Th, huyện B Đ, tỉnh T

2. Bị đơn: **Lê Thị P**, sinh năm 1965. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C Đ, xã Đ T, huyện B Đ, tỉnh T.

Bà P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 16 tháng 5 năm 2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2019 và những lời trình bày tiếp theo, nguyên đơn ông Trần Văn K trình bày:*

Ông và bà Lê Thị P chung sống với nhau từ năm 1997 trên tinh thần tự nguyện và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến tháng 10 năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng đã ly thân tháng 10

năm 2009 đến nay. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa và do vợ chồng không có đăng ký kết hôn nên ông yêu cầu không công nhận mối quan hệ giữa ông và bà Lê Thị P là vợ chồng..

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Duy Kh, sinh ngày 14/02/1998. Hiện con đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2019, biên bản hòa giải ngày 25/4/2019 bị đơn bà Phạm Thị P trình bày trình bày như sau:*

Bà và ông Trần Văn K chung sống với nhau từ năm 1997 trên tinh thần tự nguyện và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến tháng 10 năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng đã ly thân tháng 10 năm 2009 đến nay. Nay bà vẫn còn thương ông K nhưng do vợ chồng không có đăng ký kết hôn nên bà thống nhất không công nhận mối quan hệ giữa bà và ông Trần Văn K là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Duy Kh, sinh ngày 14/02/1998. Hiện con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định.

Về thu thập chứng cứ: Theo đúng quy định của pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Có đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật.

Những người tham gia tố tụng chấp hành tốt, có thực hiện theo nội quy phiên Tòa. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào Đều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận mối quan hệ giữa ông K, bà P là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Duy Kh, sinh ngày 14/02/1998. Hiện con đã trưởng thành và cả ông K, bà P không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến

- Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 16/5/2019 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào đơn xin xác nhận đề ngày 11/3/2019, của ông Trần Văn K gởi Ủy ban nhân dân xã Lộc Thuận và Uỷ ban nhân dân xã Định Trung, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre được xác nhận là ông K, bà P không có đăng ký kết hôn tại xã L T và xã Đ T, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án cả ông K, bà P điều khai thống nhất cho đến thời điểm hiện tại vẫn không có đăng ký kết hôn.

Ông K và bà P có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định, lẽ ra ông bà phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng ông bà không thực hiện. Cho nên căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì quan hệ giữa ông K và bà P là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Như vậy, về cơ sở pháp lý không công nhận mối quan hệ giữa ông Trần Văn K và bà Lê Thị P là vợ chồng. Điều này cũng phù hợp với quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống ông K, bà P có 01 con chung tên Trần Duy Kh, sinh ngày 14/02/1998. Hiện con chung đã thành niên và đều có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về tài sản chung:* Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về nợ chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:*

Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Ông Trần Văn K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 15, 16, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Không công nhận mối quan hệ giữa ông Trần Văn K và bà Lê Thị P là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Duy Kh, sinh ngày 14/02/1998. Hiện con đã thành niên, hai bên không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến.

[3]. Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến.

[4]. Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

[5]. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Ông Trần Văn K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001423 ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Vậy ông Trần Văn K đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Lê Thị P vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV-THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Lộc Thuận;
- UBND xã Định Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu